

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 29 - 6 -2022

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Kiềm

2. Bà Đặng Hồng Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1993

ĐKKHKT tại: Tổ 44, phố T, phường C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

Hiện nay đang ở: Xã M, huyện S, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Lê Bá T, sinh năm 1986

ĐKKHKT tại: Tổ 44, phố Tiên Phú, phường C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

(Chị H và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh H và anh Lê Bá T đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2013 tại UBND phường C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tìm hiểu tự nguyện không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh T về sống cùng bố mẹ anh T tại địa chỉ: Tổ 44, phố Tiên Phú, phường C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Do mâu thuẫn vợ chồng chị H đã bỏ về nhà bố mẹ ở xã Mỹ Thuận, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ sống còn anh T vẫn ở cùng bố mẹ tại tổ 44, phố Tiên Phú, phường C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu

thuần là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T vô tâm, mải chơi, không quan tâm đến vợ con. Từ năm 2016 cho đến nay, chị H và anh T đã sống ly thân không ai quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Bá T.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Bá Tiến, sinh ngày 02/4/2013 và cháu Lê Nguyễn Thảo M, sinh ngày 13/4/2015. Khi ly hôn chị H đồng ý giao hai con chung là cháu Lê Bá T1, cháu Lê Nguyễn Thảo M cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Chị H đồng ý cấp dưỡng mỗi cháu là: 1.500.000 đồng/1 tháng, tổng hai cháu là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Bá T và chị Nguyễn Thị Minh H có đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2013 tại UBND phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tìm hiểu tự nguyện không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh T về sống cùng bố mẹ anh T tại địa chỉ: Tổ 44, phố Tiên Phú, phường C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Đến năm 2016, do mâu thuẫn vợ chồng chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Mỹ Thuận, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ còn anh T vẫn sống cùng các con tại: Tổ 44, phố T, phường C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân thuần là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin ly hôn, anh T cũng đồng ý.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Bá T1, sinh ngày 02/4/2013 và cháu Lê Nguyễn Thảo M, sinh ngày 13/4/2015. Khi ly hôn anh T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu Lê Bá T1, cháu Lê Nguyễn Thảo M. Anh T đề nghị chị H cấp dưỡng mỗi cháu là: 1.500.000 đồng/1 tháng, tổng hai cháu là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; 35; 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với anh Lê Bá T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Bá T1, sinh ngày 02/4/2013 và cháu Lê Nguyễn Thảo M, sinh ngày 13/4/2015 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi cháu là: 1.500.000 đồng/1 tháng, tổng hai cháu là 3.000.000 đồng/ tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên và có khả năng lao động. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về sự vắng mặt của anh Lê Bá T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T đến để làm việc, anh T đã đến Tòa án làm việc và Tòa án đã lấy lời khai. Sau đó, Tòa án đã T1 hành báo gọi anh T đến để T1 hành hòa giải nhưng anh T vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị H đã có đơn không T1 hành hòa giải cho nên Tòa án không T1 hành hòa giải được là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 29/6/2022, Tòa án đưa vụ án ra xét xử và đã T1 hành tổng đạt hợp lệ cho chị H và anh T. Tại phiên tòa hôm nay chị H và anh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án T1 hành xét xử vắng mặt anh T, chị H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Minh H và anh Lê Bá T đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2013 tại UBND phường C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép

buộc. Chị H và anh T đều xác nhận là vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do anh T vô tâm, mải chơi, không quan tâm đến vợ con. Theo anh T nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin ly hôn anh T cũng nhất trí.

Vì vậy cần xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị H và anh T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Bá T, sinh ngày 02/4/2013 và cháu Lê Nguyễn Thảo M, sinh ngày 13/4/2015. Khi ly hôn chị H và anh T đều thống nhất giao hai con chung là cháu Lê Bá Tiến, sinh ngày 02/4/2013 và cháu Lê Nguyễn Thảo M, sinh ngày 13/4/2015 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị H cấp dưỡng mỗi cháu là: 1.500.000 đồng/1 tháng, tổng hai cháu là 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị H và anh T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 28; 35; 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với anh Lê Bá T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Bá T1, sinh ngày 02/4/2013 và cháu Lê Nguyễn Thảo M, sinh ngày 13/4/2015 cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi cháu là: 1.500.000 đồng/1 tháng, tổng hai cháu là 3.000.000 đồng/ tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên và có khả năng lao động. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị H và anh T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên

lại thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0009278 ngày 23/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục Thi hành án TP Việt Trì;
- UBND P. Tiên Cát, Việt Trì, Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Thanh Huyền

